

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2021/DS-PT

Ngày: 05/02/2021

V/v Tranh chấp quyền quản lý di sản
dùng vào việc thờ cúng, yêu cầu hủy

GCNQSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đức

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Bá Thịnh

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 01, ngày 02 và ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2020/TLPT-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp quyền quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6601/2020/QĐ-PT ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Đoàn VC, sinh năm 1941.** (chết ngày 17/3/2017)

Địa chỉ: Số 15/2 ấp TD, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông VC:

1.1 Ông Đoàn HT, sinh năm 1979; (có mặt)

1.2 Ông Đoàn CB, sinh năm 1974; (có mặt)

1.3 Bà Đoàn Thị TT, sinh năm 1977; (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 15/2 ấp TD, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4 Bà Đoàn Thị BT, sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: số 13/11A ấp TD, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 Bà Nguyễn TL, sinh năm 1954 (chết năm 2019): Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà TL là các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT.

2. Bị đơn: **Ông Đoàn VT, sinh năm 1957; (có mặt)**

Địa chỉ: số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần VTH, sinh năm 1945; (có mặt)

Địa chỉ: số 23 HTP, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Đoàn TN, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: số 11/5 ấp TĐ 3, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Ông Đoàn VD, sinh năm 1936;

Địa chỉ: số 16/2 ấp TD, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Bà Đoàn TK, sinh năm 1947;

Địa chỉ: số 1/133 Tổ SL, khu phố B1, thị trấn HM, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông VD, bà TK: Ông Trần VTH, sinh năm 1945. (có mặt)

Địa chỉ: số 23 HTP, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Bà Đoàn Thị NP, sinh năm 1951; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: C26 Tổ MM, khu phố S, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

3.5 Ông Đoàn XN, sinh năm 1959;

3.6 Bà Đoàn Thị TM, sinh năm 1960;

3.7 Bà Đoàn Thị NL, sinh năm 1963;

Người đại diện theo ủy quyền của các ông/bà XN, TM, NL: Bà Đoàn TN, sinh năm 1958. (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 11/5 ấp TĐ 3, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8 Ông Đoàn CT, sinh năm 1964 (chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông CT:

3.8.1 Bà Phạm Thị TL;

3.8.2 Cháu Đoàn MN;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nhật: Bà Phạm Thị TL; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 11/5 ấp TĐ 3, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9 Bà Trương TN, sinh năm 1959;

3.10 Ông Đoàn MT, sinh năm 1988;

3.11 Bà Đoàn Thị CT, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông/bà TN, MT, CT: Ông Đoàn VT, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.12 Ông Đoàn MN; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 9/6B ấp D, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.13 Ông Đoàn HT, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: số 15/2 ấp TD, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trí: Ông Cao SN - Luật sư Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3.14 Bà Đoàn TM, sinh năm 1956; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 15/10B ấp TD, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.15 Bà Đoàn TH, sinh năm 1958; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 30/5C ấp TĐ 3, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.16 Bà Đoàn Thị TH, sinh năm 1963; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 13/7D ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.17 Ông Đoàn VX, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 14/2 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.18 Ủy ban nhân dân huyện HM;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê UT – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 1 LND, thị trấn HM, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Các ông/bà Đoàn VT, Trương TN, Đoàn MT, Đoàn Thị CT, Đoàn TN, Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn Thị NL, Đoàn VĐ, Đoàn TK.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - ông Đoàn VC và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông VC gồm các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT trình bày:

Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 16, diện tích (theo GCNQSDĐ) 2.303m², tọa lạc tại xã TTT, huyện HM và tài sản gắn liền với đất có nguồn gốc của cụ Đoàn VT1 và cụ Hứa TĐ chết để lại.

Cụ VT1 và cụ TĐ có tất cả 10 người con gồm các ông bà Đoàn VT2, Đoàn TP, Đoàn VS, Đoàn VM, Đoàn VĐ, Đoàn TG, Đoàn VC, Đoàn TD, Đoàn TK, Đoàn Thị NP.

Ngày 10/4/1994, 10 người con của cụ VT1 và cụ TĐ thống nhất lập Tờ tương phân đất với nội dung phân chia di sản (do cụ VT1 và cụ TĐ để lại) gồm các thửa 366, 360 và 121, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã TTT, huyện HM cho 10 người, mỗi người một phần. Riêng phần diện tích 2.585m² (trên đất có căn nhà và cây trồng) thuộc một phần thửa 121 thì 10 người thống nhất giao cho ông

Đoàn VC (con trai út của cụ VT1 và cụ TĐ) có trách nhiệm giữ gìn và thờ cúng, không được cầm, bán hay chuyển nhượng cho người khác.

Ngày 17/12/1998, ông VC được UBND huyện HM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.303m² (là phần diện tích 2.585m² thuộc một phần thửa 121 nói trên).

Ông VM (là anh trai của ông VC) chỉ có một mình nên ông VC có cho ông VM ở trong nhà thờ đến mãi đời. Mặc dù không sinh sống tại nhà thờ nhưng ông VC vẫn thường xuyên lui tới thăm nom, giữ gìn nhà thờ và cùng với ông VM tổ chức cúng giỗ cha mẹ tại nhà thờ chu đáo. Sau khi ông VM chết, ông VC tiếp tục quản lý, giữ gìn di sản và thờ cúng cha mẹ. Sau khi ông VC chết, ông HT (con trai út của ông VC) là người trực tiếp quản lý, giữ gìn di sản cho đến nay và tổ chức cúng giỗ cụ VT1 và cụ TĐ tại nhà thờ chu đáo.

Việc ông VT (con của ông VS) và vợ con ông VT tự ý vào ở nhà thờ mà không được sự đồng ý của ông VC là không phù hợp với nội dung Tờ tương phân ngày 10/4/1994.

Trước đây, ông VC khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với ông VT, yêu cầu ông VT trả lại thửa đất số 180 và tài sản gắn liền với đất cho ông VC.

Nay các ông bà xác định thửa đất số 180 và tài sản gắn liền với đất là di sản do cụ VT1 và cụ TĐ chết để lại, được tất cả 10 người con của cụ VT1 và cụ TĐ thống nhất là di sản dùng vào việc thờ cúng và đã chỉ định ông VC là người quản lý, giữ gìn di sản.

Nay ông VC đã chết, các ông bà là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông VC yêu cầu ông VT và vợ con của ông VT gồm bà TN, bà CT, ông MT phải ra khỏi thửa đất số 180 để giao lại thửa đất số 180 và tài sản gắn liền với đất cho các con của ông VC tiếp tục quản lý, giữ gìn và thờ cúng.

Đối với GCNQSDĐ do UBND huyện HM cấp cho ông VC: Hiện nay bản chính GCNQSDĐ do ông HT đang giữ. Các ông bà đồng ý giao lại bản chính GCNQSDĐ và bảo quản GCNQSDĐ tại nhà thờ để tránh việc cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng ...cho người khác.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 11/02/2014 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thì thửa đất số 180, TĐĐ số 12 (nay là thửa 94, TĐĐ số 16), tọa lạc tại xã TTT, huyện HM và tài sản gắn liền với đất gồm nhà tường mái ngói diện tích 61,9m² (ký hiệu số 1, thường gọi là nhà thờ do ông HT đang quản lý), nhà tường mái tôn diện tích 205,6m² (ký hiệu số 2, thường gọi là nhà sau) và phần mái tôn (ký hiệu số 3,4,5) do gia đình ông VT sử dụng.

Bị đơn ông Đoàn VT do ông Trần VTH đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông VT thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ nhân thân cũng như nguồn gốc tài sản tranh chấp.

Ngày 10/4/1994, tất cả 10 người con của cụ VT1 và cụ TĐ họp gia đình và lập Tờ tương phân đất. Theo nội dung tờ tương phân thì mỗi người đều được chia một phần đất trong khối di sản do cụ VT1 và cụ TĐ chết để lại. Riêng phần đất có diện tích 2.585m² thuộc một phần thửa 121 và tài sản gắn liền với đất (nhà thờ và cây ăn trái), 10 người đều thống nhất để lại làm di sản dùng để thờ cúng, giao cho ông VC có trách nhiệm gìn giữ và thờ cúng, không được cầm cố, chuyển nhượng cho người khác. Trường hợp ông VC không bảo quản được thì trong gia tộc sẽ giao cho người khác tiếp tục bảo quản.

Thực tế, ông VM là người trực tiếp quản lý nhà thờ và thờ cúng cha mẹ. Sau khi ông VM chết, ông VT tiếp tục quản lý di sản này cho đến nay. Ông VT sống ở đây từ nhỏ, có nhiều công sức trong việc giữ gìn di sản thờ cúng.

Ông VC không thực hiện trách nhiệm thờ cúng và cũng không ở trong nhà thờ. Mặt khác, ông VC còn vi phạm quy định tại Tờ tương phân năm 1994, tự ý chuyển dịch tài sản chung chưa chia thành tài sản của cá nhân ông VC. Ngày 17/12/1998, ông VC được UBND huyện HM cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 180, TĐĐ số 12, diện tích 2.303m² (là phần diện tích 2.585m² thuộc một phần thửa 121 nói trên).

Sau khi ông VC chết, các con của ông VC cũng không ở nhà thờ. Ông HT giữ chìa khóa và tổ chức cúng giỗ tại nhà thờ chính (ký hiệu số 1), còn gia đình ông VT ở nhà sau (ký hiệu số 2) và tổ chức cúng giỗ hàng năm.

Ngày 07/02/2015, ông VĐ, bà NP, bà TK và những người con của ông VS lập văn bản thỏa thuận thống nhất giao cho ông VT được quyền quản lý nhà thờ.

Do đó, ông VT không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông VC và các con của ông VC. Thửa đất số 180 và tài sản gắn liền với đất là di sản dùng vào việc thờ cúng, là tài sản chung chưa chia của 10 người con của cụ VT1 và cụ TĐ. Do đó, ông VT (do ông VTH đại diện) yêu cầu chỉ để lại một phần nhỏ của thửa 180 (mang tính chất tượng trưng) để thờ cúng, phần còn lại của thửa 180 bán để chia đều giá trị cho những người thừa kế của cụ VT1 và cụ TĐ.

Đồng thời, ông VT yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện HM cấp cho ông VC vì thửa đất 180 và tài sản trên đất là di sản dùng vào thờ cúng, ông VC chỉ được giao quản lý và thờ cúng, không phải là chủ sử dụng đối với thửa đất này. UBND huyện HM cấp GCNQSDĐ cho cá nhân ông VC là không đúng trình tự, thủ tục và không đúng đối tượng.

Bà Đoàn TN là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn Thị NL trình bày:

Bà TN thống nhất với yêu cầu của ông VT và lời trình bày của ông VTH (đại diện cho ông VT). Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và thống nhất với yêu cầu của ông VT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông/bà Đoàn VĐ, Đoàn TK do ông Trần VTH đại diện theo ủy quyền và bà Đoàn Thị NP trình bày:

Thông nhất với yêu cầu của ông VT, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện HM cấp cho ông VC đối với thửa 180 (nay là thửa 94).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Đoàn Thị H và bà Đoàn Thị TH trình bày:

Hai bà thông nhất với nguyên đơn và bị đơn về quan hệ nhân thân và nguồn gốc thửa đất số 180 và tài sản gắn liền với đất là di sản do cụ VT1 và cụ TĐ chết để lại, dùng vào việc thờ cúng. Ông VC khi còn sống mặc dù không sống tại nhà thờ nhưng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người được giao quản lý di sản cũng như cúng giỗ cha mẹ chu đáo, không vi phạm bất cứ quy định nào theo Tờ tương phân ngày 10/4/1994. Sau khi ông VC qua đời, ông HT tiếp quản nhà thờ và giữ gìn, bảo quản di sản cũng như thực hiện việc thờ cúng chu đáo. Tuy nhiên, việc giao nhà thờ cho các con của ông VC hay ông VT quản lý thì hai bà không có ý kiến vì đều là anh em trong gia đình. Việc UBND huyện HM cấp GCNQSDĐ cho cá nhân ông VC là chưa chính xác nhưng không cần thiết phải hủy GCNQSDĐ mà chỉ cần để GCNQSDĐ bảo quản tại nhà thờ để mọi người trong gia tộc đều thấy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND huyện HM do ông Lê UT đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/6/1997, ông Đoàn Văn VC có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất các thửa 78, 171 và 180, trong đó có thửa 180, TĐĐ số 12, diện tích 2.303m². Trong lần họp xét đợt 1, Hội đồng xét cấp GCN xã TTT thuận cấp hai thửa 78 và 171, riêng thửa 180 cần xác minh lại.

Ngày 06/11/1998, Hội đồng xét cấp GCN xã TTT họp xét đợt 2 và thuận cấp thửa 180 cho ông VC. Do lấy lại hồ sơ cũ của ông VC họp xét và ghi bổ sung thuận cấp 01 thửa 180, tờ 12 theo đơn vào phần xác nhận của UBND xã nên thời gian xác nhận là ngày 03/10/1997.

Ngày 04/11/1998, UBND xã ban hành Thông báo công khai danh sách hộ, cá nhân đủ điều kiện xét cấp GCNQSDĐ. Sau thời gian niêm yết, UBND xã TTT có tờ trình đề nghị UBND huyện HM ra quyết định cấp GCNQSDĐ cho ông VC. Trên cơ sở đó, UBND huyện HM ban hành Quyết định số 256/QĐ-UB ngày 17/12/1998 cấp GCNQSDĐ cho 415 cá nhân, trong đó có ông VC. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông VC là đúng trình tự, thủ tục, giấy cấp cho ông VC với tư cách cá nhân, căn cứ để cấp GCNQSDĐ cho ông VC là Tờ tương phân lập ngày 10/4/1994. UBND huyện HM đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn VC (do các ông bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) về việc “tranh chấp quyền quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng” với ông Đoàn VT.

1.1. Giao cho ông Đoàn HT có trách nhiệm quản lý, bảo quản và giữ gìn di sản dùng vào việc thờ cúng (của cụ Đoàn VT1 và cụ Hứa TĐ chết để lại) gồm: Thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TBĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TBĐ số 16) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà ở và cây trồng trên đất), địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vị trí, diện tích theo Bản đồ xác định ranh số hợp đồng 96867/CNHM-CC ngày 11/02/2014 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Buộc ông Đoàn VT, bà Trương TN, ông Đoàn MT, bà Đoàn Thị CT có nghĩa vụ di dời khỏi nhà đất thuộc thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TBĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TBĐ số 16), địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh để giao lại toàn bộ thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TBĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TBĐ số 16) và tài sản gắn liền với đất, địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đoàn HT.

(Vị trí, diện tích theo Bản đồ xác định ranh số hợp đồng 96867/CNHM-CC ngày 11/02/2014 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Đoàn VT.

Điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 169765 do UBND huyện HM cấp cho ông Đoàn VC ngày 17/12/1998 đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.303m² tọa lạc xã TTT huyện HM Thành phố Hồ Chí Minh (là di sản dùng vào việc thờ cúng do cụ Đoàn VT1 và cụ Hứa TĐ chết để lại) theo quy định của pháp luật.

Ông Đoàn HT có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí đo đạc và định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Các ông/bà HT, CB, BT, TT tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp đủ).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/8/2020, các ông/bà Đoàn VT, Trương TN, Đoàn MT, Đoàn Thị CT, Đoàn TN, Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn Thị NL, Đoàn VD, Đoàn TK có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn liên quan đến nội dung các con của ông Đoàn VC được tiếp tục quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng, buộc ông Đoàn VT rời khỏi địa chỉ: 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn – các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đoàn HT – Luật sư Cao SN trình bày: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bác kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì không có cơ sở.

- Người kháng cáo – các ông/bà Đoàn VT, Trương TN, Đoàn MT, Đoàn Thị CT (các ông/bà TN, MT, CT có ông VT là người đại diện theo ủy quyền), Đoàn TN, Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn Thị NL (các ông/bà XN, TM, NL có bà Đoàn TN là đại diện theo ủy quyền), Đoàn VĐ, Đoàn TK (ông VĐ, bà TK có ông VTH là đại diện theo ủy quyền) trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại thủ tục tố tụng ở cấp sơ thẩm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tạm ngừng phiên tòa, việc thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của đương sự vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, việc tính tạm ứng án phí, áp dụng pháp luật và xem xét lại nội dung của bản án sơ thẩm. Đề nghị chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đoàn VC, giao cho gia đình ông VT được trực tiếp ở lại nhà thờ và trông coi, quản lý, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Bị đơn – ông Đoàn VT và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – các ông/bà Trương TN, Đoàn MT, Đoàn Thị CT, Đoàn TN, Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn Thị NL, Đoàn VĐ, Đoàn TK nộp đơn kháng cáo, biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của các ông/bà trên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của các ông/bà Đoàn VT, Trương TN, Đoàn MT, Đoàn Thị CT, Đoàn TN, Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn Thị NL, Đoàn VĐ, Đoàn TK, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thửa đất số 180, diện tích $2.303m^2$, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà ở và cây trồng trên đất) có nguồn gốc của cụ Đoàn VT1 và cụ Hứa TĐ chết để lại, địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM. Hai cụ chết không để lại di chúc.

Cụ Đoàn VT1 (chết năm 1954) và cụ Hứa TĐ (chết năm 1991) có 10 người con gồm các ông bà: Đoàn VT2, Đoàn TP, Đoàn VS, Đoàn VM, Đoàn VĐ, Đoàn TG, Đoàn VC, Đoàn TD, Đoàn TK và Đoàn Thị NP.

Ngày 10/4/1994, các con của cụ Đoàn VT1 và cụ Hứa TĐ là các ông/bà Đoàn VT2, Đoàn TP, Đoàn VS, Đoàn VM, Đoàn VĐ, Đoàn TG, Đoàn VC, Đoàn TD, Đoàn TK và Đoàn Thị NP đã thỏa thuận lập tờ tương phân với nội dung:

“...

10 người chúng tôi đồng ý nhận diện tích sau đây:

1) Đoàn VĐ: lô số thửa 366, diện tích: $2560m^2$. Có hai phần của Đoàn VS + TD1 và Đoàn TK chuyển qua Đoàn VĐ, hai người này đã nhận hoa lợi một lần của ông VĐ.

2) Đoàn TK (chuyển cho Đoàn VĐ)

3) Đoàn VS + Đặng TD: Số thửa 380, DT: $267m^2/700m^2$. Còn $433m^2$ làm thổ mộ chung.

4) Đoàn TG: Số thửa 121, DT: $917,85m^2$.

5) Đoàn Thị NP: Số thửa 121, DT: $917,85m^2$.

6) Đoàn TP: Số thửa 121, DT: $917,85m^2$.

7) Đoàn TD: Số thửa 121, DT: $917,85m^2$.

8) Đoàn VC: Số thửa 121, DT: $917,85m^2$ và $2585m^2$ với căn nhà thờ để làm của hương quả.

9) Đoàn VT2: Số thửa 121, DT: $917,85m^2$.

10) Đoàn VM: Số thửa 121, DT: $917,85m^2$.

Chúng tôi có những điều kiện sau đây:

Căn nhà thờ và diện tích $2585m^2$ có trồng cây ăn trái, chúng tôi đồng ý giao cho Đoàn VC có trách nhiệm giữ gìn và thờ phượng không được cầm bán hay chuyển nhượng cho người khác. Trường hợp Đoàn VC không bảo quản được thì trong gia tộc chúng tôi giao cho người trong thân tộc tiếp tục bảo quản...”

Căn cứ tờ tương phân, các đồng thừa kế đã tiến hành làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu và cho đến nay, tờ tương phân vẫn còn giá trị.

Theo như tờ tương phân thì ông Đoàn VC được giao căn nhà thờ và phần đất diện tích 2585m² có trồng cây ăn trái để giữ gìn và thờ cúng với điều kiện không được cầm bán hay chuyển nhượng cho người khác. Căn cứ theo tờ tương phân, ngày 17/12/1998, ông VC được Ủy ban nhân dân huyện HM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N169765, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 1916/99 QSDĐ/TTT đối với thửa đất số 180, TĐĐ số 12, diện tích 2.303m² tọa lạc tại xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, hiện nay trên phần đất mà ông VC được cấp giấy chứng nhận, địa chỉ số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh có ông Đoàn VT cùng vợ con là các ông/bà Trương TN, Đoàn MT, Đoàn Thị CT cư ngụ, sinh sống.

Xét thấy, ông Đoàn VT là con của ông Đoàn VS (chết năm 2009). Căn cứ theo tờ tương phân lập ngày 10/4/1994 thì ông VS và vợ là bà Đặng TD1 được nhận 1.110m² đất. Tại Biên bản làm việc ngày 26/11/2015 cũng như tại phiên tòa, ông VT xác định bà Đoàn TD và bà Đoàn TP đã cho ông VT phần đất diện tích 917,85m² mà bà TD được hưởng diện tích 917,85m² mà bà TP được hưởng, ông VT đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai diện tích đất trên, sau đó, ông VT đã tặng cho hai diện tích đất trên cho con trai là ông Đoàn MT. Ông Đoàn VM đã cho con ông VT là ông Đoàn MT một phần đất thuộc diện tích 917,85m² mà ông VM được hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông VT cũng thừa nhận gia đình ông chỉ ở nhờ trên phần đất này chứ không có tư cách gì. Do đó, có thể thấy gia đình ông VT không có tư cách, quyền lợi gì đối với phần nhà đất đang tranh chấp, cũng không thuộc trường hợp có khó khăn về chỗ ở thế nhưng hiện nay lại sử dụng phần nhà đất đã được giao cho ông VC quản lý dùng vào việc thờ cúng.

Năm 2013, ông VC nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn yêu cầu ông VT trả lại thửa đất số 180 và tài sản gắn liền với đất cho ông VC. Năm 2017, ông VC chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông VC là các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT vẫn giữ yêu cầu buộc ông VT và vợ con của ông VT gồm bà TN, bà CT, ông MT phải ra khỏi thửa đất số 180 để giao lại thửa đất số 180 và tài sản gắn liền với đất cho các con của ông VC tiếp tục quản lý, giữ gìn và thờ cúng là có cơ sở, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đoàn VT, bà Trương TN, ông Đoàn MT, bà Đoàn Thị CT có nghĩa vụ di dời khỏi nhà đất thuộc thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TĐĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TĐĐ số 16), địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 639 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại tuyên xử: *“1.1. Giao cho ông Đoàn HT có trách nhiệm quản lý, bảo quản và giữ gìn di sản dùng vào việc thờ cúng (của cụ VT1 và cụ TĐ chết để lại) gồm: Thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TĐĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TĐĐ số 16) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà ở và cây trồng trên đất), địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh...”*

1.2. Buộc ông Đoàn VT, bà Trương TN, ông Đoàn MT, bà Đoàn Thị CT có nghĩa vụ di dời khỏi nhà đất thuộc thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TĐĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TĐĐ số 16), địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh để giao lại toàn bộ thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TĐĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TĐĐ số 16) và tài sản gắn liền với đất, địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đoàn HT...”, là chưa chính xác, cần sửa lại theo hướng: “Giao cho các con của ông Đoàn VC gồm các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT có trách nhiệm quản lý, bảo quản và giữ gìn di sản dùng vào việc thờ cúng (của cụ VT1 và cụ TĐ chết để lại) gồm: Thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TĐĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TĐĐ số 16) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà ở và cây trồng trên đất), địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung của tờ tương phân ngày 10/4/1994 cho đến khi có thỏa thuận mới của các đồng thừa kế của cụ VT1 và cụ TĐ.

(Vị trí, diện tích theo Bản đồ xác định ranh số hợp đồng 96867/CNHM-CC ngày 11/02/2014 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh).

Buộc ông Đoàn VT, bà Trương TN, ông Đoàn MT, bà Đoàn Thị CT có nghĩa vụ di dời khỏi nhà đất thuộc thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TĐĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TĐĐ số 16), địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh để giao lại toàn bộ thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TĐĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TĐĐ số 16) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà ở và cây trồng trên đất), tại địa chỉ số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh cho các con ông VC là các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT. Để tạo điều kiện cho gia đình ông VT có thời gian thu xếp việc di dời, cần ấn định khoảng thời gian là 03 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

(Vị trí, diện tích theo Bản đồ xác định ranh số hợp đồng 96867/CNHM-CC ngày 11/02/2014 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh).”

[2.2] Theo Đơn khởi kiện ngày 05/8/2013 của ông Đoàn VC và Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 10/7/2020 của ông Đoàn HT chỉ yêu cầu ông VT cùng gia đình dọn khỏi nhà đất tranh chấp, giao lại toàn bộ phần nhà đất cho nguyên đơn tiếp tục quản lý, giữ gìn và thờ cúng. Còn theo Đơn phản tố ngày 21/10/2013 của bị đơn chỉ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hóc Môn cấp cho ông Đoàn VC. Xét thấy, các đương sự không có yêu cầu gì về việc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông VC, tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm nhận định việc cấp Giấy chứng nhận cho ông VC là đúng trình tự, thủ tục nhưng lại tuyên điều chỉnh giấy chứng nhận và ông HT có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận là không đúng. Việc cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ vì bị đơn yêu cầu hủy giấy chứng

nhận nhưng cấp sơ thẩm lại điều chỉnh giấy chứng nhận trong khi giấy chứng nhận được cấp đúng. Trong trường hợp này chỉ cần chấp nhận hoặc bác yêu cầu hủy giấy của bị đơn. Đối với việc ông VC được cấp giấy chứng nhận, sau khi ông VC chết nếu các đồng thừa kế của ông VC muốn làm lại giấy tờ thì kê khai theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp cho ông Đoàn VC, xét thấy: Theo nội dung của Tờ tương phân lập ngày 10/4/1994 thì ông VC được nhận phần đất thuộc thửa số 121, diện tích là 917,85m² và 2585m² với căn nhà thờ đề làm của hương hỏa, theo đó ông VC được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất trên. Căn cứ theo Công văn số 795/TNMT ngày 07/12/2009 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện HM thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N169765, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1916/99 QSDĐ/TTT ngày 17/12/1998 cho ông Đoàn VC là đúng theo trình tự pháp luật quy định. Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Ngày 05/8/2013, ông Đoàn VC khởi kiện ông Đoàn VT với nội dung yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết lấy lại đất và nhà thờ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện HM cấp cho ông VC ngày 17/12/1998. Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 10/7/2020, ông Đoàn HT yêu cầu ông VT cùng các thành viên trong gia đình phải rời khỏi phần đất và nhà thờ, giao lại toàn bộ phần diện tích trên cho ông HT. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện ban đầu và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn không khác nhau, mặt khác, tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu bổ sung mà chỉ nhận đơn và đưa vào hồ sơ vụ án. Do đó, việc đại diện bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm quy định về việc chấp nhận đơn khởi kiện bổ sung với yêu cầu hoàn toàn mới, vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là không có cơ sở.

Phía bị đơn cho rằng án sơ thẩm tuyên giao tài sản tranh chấp cho gia đình ông Đoàn VC quản lý là vi phạm nghiêm trọng tờ tương phân lập ngày 10/4/1994, không phù hợp đạo đức xã hội, trái quy định của pháp luật là không có cơ sở vì hiện nay tờ tương phân lập ngày 10/4/1994 vẫn đang có giá trị pháp lý để thực hiện, các đồng thừa kế của cụ VT1 và cụ TĐ vẫn chưa cử ra được người quản lý di sản khác để thay thế tờ tương phân lập ngày 10/4/1994 theo quy định tại Điều 638 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là không đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về quyền quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là đúng pháp luật, không có gì là thiếu khách quan, không minh bạch như ý kiến của đại diện bị đơn.

Các vấn đề khác phía bị đơn nêu ra như vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, tạm ngừng phiên tòa, tính sai án phí hoặc sai phạm trong việc áp dụng pháp luật.

Xét thấy, những vi phạm này chưa đến mức nghiêm trọng để hủy án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà chỉ cần sửa lại bản án vì nó không làm ảnh hưởng đến nội dung của vụ án.

[2.5] Hiện nay, tờ tương phân lập ngày 10/4/1994 của các đồng thừa kế của cụ VT1 và cụ TĐ vẫn còn giá trị, chưa có sự thay đổi nào nên các con ông VC vẫn tiếp tục thay cha quản lý nhà đất thờ cúng theo nội dung của tờ tương phân. Việc ông VC được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 180, diện tích 2.303m², TĐĐ số 12 (nay là thửa đất số 94, TĐĐ số 16), địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có ý nghĩa về mặt hành chính để quản lý đất đai theo quy định của pháp luật. Ông VC và những người thừa kế của ông VC không được quyền cầm, bán hay chuyển nhượng cho người khác theo điều kiện của tờ tương phân.

Ngày 07/02/2015, trong số 04 người con còn sống của cụ VT1 và cụ TĐ (gồm các ông/bà Đoàn VĐ, Đoàn TK, Đoàn Thị NP, Đoàn VC) thì có 03 người là các ông/bà Đoàn VĐ, Đoàn TK, Đoàn Thị NP cùng với vợ và các con của ông Đoàn VS là các ông/bà Đặng TD1, Đoàn QM, Đoàn VT, Đoàn TN, Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn Thị NL, Đoàn CT đã lập Văn bản thỏa thuận về việc cử người khác bảo quản di sản dùng vào việc thờ cúng. Như vậy, chỉ có bốn trong số mười đồng thừa kế thỏa thuận làm lại văn bản cử người bảo quản di sản. Do đó, văn bản này không đủ điều kiện để thay thế văn bản do 10 đồng thừa kế của cụ VT1 và cụ TĐ đã thỏa thuận và thực hiện theo nội dung của Tờ tương phân lập ngày 10/4/1994 và không có giá trị pháp lý để áp dụng.

[2.6] Xét thấy, tờ tương phân được lập ngày 10/4/1994 và đã được các đồng thừa kế thực hiện theo nội dung của tờ tương phân. Năm 2013, ông Đoàn VC nộp đơn khởi kiện để yêu cầu giải quyết tranh chấp liên quan đến việc thực hiện nội dung của tờ tương phân lập ngày 10/4/1994. Căn cứ theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Bộ luật dân sự năm 2005 sẽ được áp dụng để giải quyết trong vụ án này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đoàn HT – Luật sư Cao SN đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị y án sơ thẩm là không có cơ sở do bản án sơ thẩm có những sai sót cần phải chỉnh sửa.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của các ông/bà Đoàn VT, Trương TN, Đoàn MT, Đoàn Thị CT, Đoàn TN, Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn Thị NL, Đoàn VĐ, Đoàn TK là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, do án sơ thẩm có những sai sót về mặt nội dung nên cần sửa án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Đoàn VC (do các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng).

- Giao cho các con của ông Đoàn VC gồm các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT có trách nhiệm quản lý, bảo quản và giữ gìn di sản dùng vào việc thờ cúng (của cụ VT1 và cụ TĐ chết để lại) gồm: Thửa đất số 180, diện tích 2.303m², tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà ở và cây trồng trên đất), địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung của tờ tương phân ngày 10/4/1994 cho đến khi có thỏa thuận mới của các đồng thừa kế của cụ VT1 và cụ TĐ.

(Vị trí, diện tích theo Bản đồ xác định ranh số hợp đồng 96867/CNHM-CC ngày 11/02/2014 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh).

- Buộc ông Đoàn VT, bà Trương TN, ông Đoàn MT, bà Đoàn Thị CT có nghĩa vụ di dời khỏi nhà đất thuộc thửa đất số 180, diện tích 2.303m², tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16), địa chỉ tại số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh để giao lại toàn bộ thửa đất số 180, diện tích 2.303m², tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà ở và cây trồng trên đất), tại địa chỉ số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh cho các con ông Đoàn VC là các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT. Để tạo điều kiện cho gia đình ông VT có thời gian thu xếp việc di dời, cần ấn định khoảng thời gian là 03 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

(Vị trí, diện tích theo Bản đồ xác định ranh số hợp đồng 96867/CNHM-CC ngày 11/02/2014 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn – ông Đoàn VT về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp cho ông Đoàn VC.

3. Về chi phí đo vẽ và định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp đủ).

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn - ông Đoàn VC không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT (là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn VC) 21.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do yêu cầu phản tố của bị đơn là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bị đơn – ông Đoàn VT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn – ông Đoàn VT phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được miễn do ông VT là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Hoàn lại cho bị đơn - ông Đoàn VT 23.272.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên các ông/bà Đoàn VT, Trương TN, Đoàn TN, Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn VĐ, Đoàn TK, Đoàn MT, Đoàn Thị CT, Đoàn Thị NL không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho các ông/bà Đoàn MT, Đoàn Thị CT và Đoàn Thị NL mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các ông/bà Đoàn VT, Trương TN, Đoàn MT, Đoàn Thị CT, Đoàn TN, Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn Thị NL, Đoàn VĐ, Đoàn TK. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Đoàn VC (do các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng).

. Giao cho các con của ông Đoàn VC gồm các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT có trách nhiệm quản lý, bảo quản và giữ gìn di sản dùng vào việc thờ cúng (của cụ VT1 và cụ TĐ chết để lại) gồm: Thửa đất số 180, diện tích 2.303m², tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà ở và cây trồng trên đất), tại địa chỉ số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung của tờ tương phân ngày 10/4/1994 cho đến khi có thỏa thuận mới của các đồng thừa kế của cụ VT1 và cụ TĐ.

(Vị trí, diện tích theo Bản đồ xác định ranh số hợp đồng 96867/CNHM-CC ngày 11/02/2014 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh).

. Buộc ông Đoàn VT, bà Trương TN, ông Đoàn MT, bà Đoàn Thị CT có nghĩa vụ di dời khỏi nhà đất thuộc thửa đất số 180, diện tích 2.303m², tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16), tại địa chỉ số 13/11 ấp TD 1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh để giao lại toàn bộ thửa đất số 180, diện tích 2.303m², tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 16) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà ở và cây trồng trên đất), tại địa chỉ số 13/11 ấp TD

1, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh cho các con ông Đoàn VC là các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án, hạn chót là ngày 05/5/2021.

(Vị trí, diện tích theo Bản đồ xác định ranh số hợp đồng 96867/CNHM-CC ngày 11/02/2014 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh).

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn – ông Đoàn VT về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp cho ông Đoàn VC.

- Về chi phí đo vẽ và định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp đủ).

2. Về án phí

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn VC không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho các ông/bà Đoàn HT, Đoàn CB, Đoàn Thị TT, Đoàn Thị BT (là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn VC) 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AE/2011/00327 ngày 27/8/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM.

Ông Đoàn VT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được miễn do là người cao tuổi, hoàn lại cho ông Đoàn VT 23.272.500 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AE/2011/00783 ngày 02/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Các ông/bà Đoàn VT, Trương TN, Đoàn TN, Đoàn XN, Đoàn Thị TM, Đoàn VĐ, Đoàn TK, Đoàn MT, Đoàn Thị CT, Đoàn Thị NL không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông Đoàn MT 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0076195 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM.

Hoàn lại cho bà Đoàn Thị CT 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0076194 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM.

Hoàn lại cho bà Đoàn Thị NL 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0076193 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện HM;
- Các đương sự;
- Lưu/27.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Đức